



Cẩm Nang **TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT**

LỚP 4



Tài liệu dành tặng học sinh. Đề nghị không sao chép, kinh doanh dưới mọi hình thức.



Phần 1: Thành ngữ - Tục ngữ

Hãy điền một từ còn thiếu vào chỗ trống sau:

STT	Thành ngữ - Tục ngữ
1	Tiên học lễ, hậu học
2	Tôn sư trọng
3	Đi một ngày đàng, học một sàng
4	Ăn quả kẻ trồng cây
5	Uống nước nguồn
6	Chim có tổ, người có
7	Ở hiền lành
8	Có thì nên
9	Môi hở lạnh
10	Máu chảy mềm
11	Con hơn cha là nhà có
12	Nước đá mòn
13	Lá lành lá rách
14	Nhường sẻ áo
15	Thương như thể thương thân
16	Chia ngọt bùi
17	Chị, em nâng





Phần 1: Thành ngữ - Tục ngữ

Hãy điền một từ còn thiếu vào chỗ trống sau:

18	Trên kính dưới
19	Người ta là đất
20	Góp gió thành
21	Một con ngựa cả tàu bỏ cỏ
22	Thuốc đắng dã tật, sự thật mất
23	Cây không sợ chết đứng
24	Đói cho sạch, rách cho
25	Giấy rách phải giữ lấy
26	Chịu chịu khó
27	Đồng cộng khổ
28	Đồng hiệp lực
29	Đồng sức lòng
30	Cầu được thấy
31	Tài cao trọng
32	Học rộng cao
33	Có công mài, có ngày nên kim
34	Thua keo này, bày khác



Phần 1: Thành ngữ - Tục ngữ

Hãy điền một từ còn thiếu vào chỗ trống sau:

35	Chớ thấy sóng cả mà ngã tay
36	Thất bại là thành công
37	Thắng không kiêu, không nản
38	Lửa thử vàng, gian nan thử
39	Kiến lâu cũng đầy tổ
40	Khéo ăn thì no, khéo co thì
41	Một chữ nên thầy, một ngày nên
42	Đất chim đậu
43	Tốt gỗ hơn tốt nước
44	Công thành toại
45	Cải lão đồng
46	Ở bầu thì, ở ống thì dài
47	Nhất tự vi sư, tự vi sư
48	Ngọc bất trác, bất thành
49	Thấu đạt lí
50	Khai lập địa
51	Sinh cơ nghiệp
52	Thuần phong tục



Phần 1: Thành ngữ - Tục ngữ

Hãy điền một từ còn thiếu vào chỗ trống sau:

53	Thiên binh mã
54	Thiên biến vạn
55	Tôn ti trật
56	Trọng nghĩa tài
57	Trung quân quốc
58	Yêu nước nòi
59	Cẩn tắc ưu
60	Quang chính đại
61	Hữu danh thực
62	Hữu vô mưu
63	Hữu xạ tự nhiên
64	Chí vô tư
65	Sơn thủy hữu
66	Vạn sự khởi đầu
67	Danh bất hư
68	Nhập tùy tục
69	Huynh như thủ túc
70	Kính lão đắc



Phần 2: Những vần thơ em yêu

Heo may gió mùa trở lạnh
Bà gom từng giọt nắng hồng
Dệt làm chiếc khăn thật ấm
Cháu quàng qua suốt mùa đông.
(Trích “Gieo ngày mới” – Ngọc Hà)



Bà ơi, thương mấy là thương
Vắng con xa cháu tóc sương da mồi
Bà như quả ngọt chín rồi
Càng thêm tuổi tác càng tươi lòng vàng.
(Trích “Quả ngọt cuối mùa” – Võ Thanh An)



Em đi tìm cái chữ
Vượt suối lại băng rừng
Đường xa chân có mỏi
Chữ vẫn gùi trên lưng.
(Trích “Gặt chữ trên non” – Bích Ngọc)



Gió vườn chăm chỉ hiền lành
Làm bao việc nhỏ để thành lớn khôn.
Gió đi từ một góc vườn
Thổi ra trời rộng bốn phương bạn bè.
(Trích “Gió vườn” – Lê Thị Mây)



Phần 2: Những vần thơ em yêu

Yêu từng dặm dài đất nước
Em mơ về con đường xa
Bốn mùa còn bao mơ ước
Ở phía chân trời bao la.

(Trích “Bốn mùa mơ ước” – Nguyễn Lãm Thắng)



Tuổi con là tuổi Ngựa
Nhưng mẹ ơi đừng buồn
Dẫu cách núi cách rừng
Dẫu cách sông cách bể
Con tìm về với mẹ
Ngựa con vẫn nhớ đường.

(Trích “Tuổi Ngựa” – Xuân Quỳnh)



Sách đầm lời mẹ ru con
Gieo khao khát để vụn tròn tương lai
Tiếng gà gáy ứng ban mai
Bậc tài danh cũng từ bài o, a...

(Trích “Mỗi lần cầm sách giáo khoa” – Hoài Khánh)



Nếu chúng mình có phép lạ
Hoá trái bom thành trái ngon
Trong ruột không còn thuốc nổ
Chỉ toàn kẹo với bi tròn.

(Trích “Nếu chúng mình có phép lạ” – Định Hải)



Phần 2: Những vần thơ em yêu

Sông La ơi sông La
Trong veo như ánh mắt
Bờ tre xanh im mát
Mươn mướt đôi hàng mi.
Bè đi chiều thăm thì
Gỗ lượn đàn thông thả
Như bầy trâu lim dim
Đằm mình trong êm ả
Sóng long lanh vẩy cá
Chim hót trên bờ đê.

(Trích “Bè xuôi sông La” – Vũ Duy Thông)



Dòng sông mới điệu làm sao
Nắng lên mặc áo lụa đào thướt tha
Trưa về trời rộng bao la
Áo xanh sông mặc như là mới may
Chiều trôi thơ thẩn áng mây
Cài lên màu áo hây hây ráng vàng
Đêm thêu trước ngực vầng trăng
Trên nền nhung tím trăm ngàn sao lên
Khuya rồi sông mặc áo đen
Nép vào rừng buổi lặng yên đôi bờ...

(Trích “Dòng sông mặc áo” – Nguyễn Trọng Tạo)



Phần 2: Những vần thơ em yêu

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh
Người các ấp tưng bừng ra chợ Tết.

(Trích “Chợ Tết” – Đoàn Văn Cừ)



Rừng mơ ôm lấy núi
Mây trắng đọng thành hoa
Gió chiều đông gờn gợn
Hương bay gần bay xa...

(Trích “Rừng mơ” – Trần Lê Văn)



Con ong làm mật, yêu hoa
Con cá bơi, yêu nước; con chim ca, yêu trời
Con người muốn sống con ơi
Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.

(Trích “Tiếng ru” – Tố Hữu)



Mỗi hạt cát Trường Sa
Đã trở thành máu thịt
Những tên đảo, tên người
Viết hoa thành Tổ quốc.

(Trích “Cảm xúc Trường Sa” – Huệ Triệu)



Phần 2: Những vần thơ em yêu

Bàn tay con nắm tay cha
Bàn tay Bác ấm vào da vào lòng.
Bác ngồi đó, lớn menh mông
Trời xanh biển rộng ruộng đồng nước non...
(Trích “Sáng tháng Năm” – Tố Hữu)



Mẹ ơi, trong lời mẹ hát
Có cả cuộc đời hiện ra
Lời ru chắp con đôi cánh
Lớn rồi con sẽ bay xa.
(Trích “Trong lời mẹ hát” – Trương Nam Hương)



Chỉ cần nhắm mắt lại
Tổ sẽ tưởng tượng ra
Một thế giới bao la
Lung linh như điều ước.

Con sông dài tha thướt
Nâng nhẹ áng mây qua
Cánh đồng xanh hiền hoà
Ngân lời ru êm ái.

(Trích “Nhắm mắt lại” – My Linh)

Phần 2: Những vần thơ em yêu

Biển xanh ôm ấp trời xanh
Rồng Tiên thuở ấy sinh thành Trường Sa
Trùng khơi nào có gái xa
Long lanh hạt cát đã là quê hương.
(Trích “Trường Sa” – Nguyễn Thế Kỷ)



Mùa xuân em đi trồng cây
Nắng lên từ phía bàn tay em trồng
Đồi hoang sẽ hoá rừng thông
Núi loang lổ cháy sẽ bùng màu xanh.
(Trích “Mùa xuân em đi trồng cây” - Nguyễn Lâm Thắng)



Cô vẫn là cô, mái tóc hoa râm
Bàn tay xương gầy, bám đầy phấn trắng
Giọng nói êm êm, nụ cười như giọt nắng
Sao buổi học này, chúng em mới nhận ra.
(Trích “Buổi học cuối cùng” – Nguyễn Thị Mai)



Phần 3: Cặp từ có nghĩa giống nhau

1	đau – nhức
2	té – ngã
3	xe lửa – tàu hoả
4	đòi hỏi – yêu cầu
5	thêu – dệt
6	đậu – đỗ
7	khuy – cúc
8	gan dạ – can đảm
9	sung túc – đầy đủ
10	năng lực – trình độ
11	miệt mài – mê mải
12	phụ huynh – cha mẹ
13	ngây ngô – ngô nghê
14	lương y – bác sĩ
15	chiến trường – mặt trận



Phần 3: Cặp từ có nghĩa giống nhau

16	thông minh – sáng dạ
17	kiên cường – bất khuất
18	khúc khuỷu – quanh co
19	phong cảnh – cảnh quan
20	quán quân – vô địch
21	bạch vân – mây trắng
22	chỉnh đốn – chấn chỉnh
23	đất nước – giang sơn
24	thuần thực – thành thạo
25	quả thơm – quả dưa
26	đơn đả - niềm nở
27	kiên trì – nhẫn nại
28	bao la – bát ngát
29	trung thực – thật thà
30	vui vẻ – sung sướng
31	khổ cực – khổ sở
32	độ lượng – vị tha



Phần 3: Cặp từ có nghĩa giống nhau

33	cẩn thận – kĩ càng
34	hướng dẫn – chỉ dẫn
35	tức giận – phẫn nộ
36	giúp đỡ – trợ giúp
37	hi vọng – mong chờ
38	chính trực – thẳng thắn
39	nhANH NHẸN – hoạt bát
40	cường điệu – phóng đại
41	ái quốc – yêu nước
42	phú quý – giàu sang
43	nỗ lực – cố gắng
44	cổ vũ – động viên
45	cơ đồ – sự nghiệp
46	lãng nhãng – rắc rối
47	muộn màng – chậm trễ
48	đau đớn – xót xa
49	tinH ANH – lANH LỢI



Phần 3: Cặp từ có nghĩa giống nhau

50	xinh xắn – xinh đẹp
51	bừa bãi – lộn xộn
52	lực lưỡng – vạm vỡ
53	lạc quan – yêu đời
54	nhộn nhịp – tấp nập
55	nguy nga – tráng lệ
56	gồ ghề – mấp mô
57	tiếng tăm – danh tiếng
58	yên ả – êm đềm
59	ích kỉ – hẹp hòi
60	gần gũi – thân thiết
61	siêng năng – cần cù
62	mảnh dẻ - thanh mảnh
63	mũm mĩm - mập mạp
64	gọn gàng - ngăn nắp
65	chân lí - lẽ phải
66	hấp dẫn - cuốn hút



Phần 3: Cặp từ có nghĩa giống nhau

67	lấp ló – thập thò
68	lẻ tẻ – rải rác
69	đa dạng – phong phú
70	vui tính – hài hước
71	bổ ích – hữu dụng
72	khuyết điểm – thiếu sót
73	tròn trĩnh – tròn trịa
74	óng ánh – lấp lánh
75	xe hơi – ô tô
76	niềm nở – đơn đả
77	luật lệ – quy định
78	cẩn trọng – cẩn thận
79	sơn hà - sông núi
80	chon von - chót vót
81	đủng đỉnh - lững thững
82	vừa ý - bằng lòng
83	rủ rê - lôi kéo



Phần 3: Cặp từ có nghĩa giống nhau

84	lốm đốm – lấm chấm
85	bàn ủi – bàn là
86	của cải – tài sản
87	cấp bách – cấp thiết
88	phát biểu – trình bày
89	chỉ huy – lãnh đạo
90	bối rối – lúng túng
91	kinh ngạc – ngạc nhiên
92	nhã nhặn – trang nhã
93	ứng dụng – vận dụng
94	trần trọc – trần trở
95	bằng hữu – bạn bè
96	bất hoà – mâu thuẫn
97	gia quyến – người nhà
98	hành tung – tung tích
99	thăm thính – thăm dò
100	hiếu thảo – hiếu hạnh



Phần 4: Cặp từ có nghĩa trái ngược nhau

1	quyết chí	><	nản lòng
2	thân mật	><	xa cách
3	sở trường	><	sở đoản
4	hi vọng	><	thất vọng
5	hạnh phúc	><	bất hạnh
6	ấp úng	><	lưu loát
7	bằng phẳng	><	nhấp nhô
8	ưu điểm	><	nhược điểm
9	nghèo khổ	><	giàu sang
10	giữ gìn	><	phá hoại
11	trật tự	><	hỗn loạn
12	an toàn	><	nguy hiểm
13	lạc quan	><	bi quan
14	chính nghĩa	><	phi nghĩa
15	tẻ nhạt	><	thú vị



Phần 4: Cặp từ có nghĩa trái ngược nhau

16	chậm chạp	><	nhANH NHẸN
17	khoẻ mạnh	><	ốm yếu
18	kiêu căng	><	khêm tốn
19	thận trọng	><	liều lĩnh
20	nhút nhát	><	bạo dạn
21	ẩm ướt	><	hanh khô
22	biến mất	><	xuất hiện
23	ngay ngắn	><	xiêu vẹo
24	bắt đầu	><	kết thúc
25	bận bịu	><	rảnh rỗi
26	phi pháp	><	hợp pháp
27	thưa thớt	><	dày đặc
28	nhỏ bé	><	to lớn
29	mập mạp	><	gầy gò
30	bí mật	><	công khai
31	thong thả	><	vội vàng
32	cá nhân	><	tập thể



Phần 4: Cặp từ có nghĩa trái ngược nhau

33	chia li	×	sum họp
34	cẩn thận	×	cẩu thả
35	chính diện	×	phản diện
36	chia rẽ	×	đoàn kết
37	cố định	×	thay đổi
38	cứng cỏi	×	mềm mại
39	san sát	×	lừa thừa
40	thuận lợi	×	khó khăn
41	đắng cay	×	ngọt bùi
42	hạ	×	thượng
43	suy	×	vượng
44	gốc	×	ngọn
45	đông đúc	×	vắng vẻ
46	đơn giản	×	phức tạp
47	nhanh nhẹn	×	chậm chạp
48	hậu phương	×	tiền tuyến
49	khô héo	×	tươi tốt





Phần 4: Cặp từ có nghĩa trái ngược nhau

50	hoang phí	><	tiết kiệm
51	ngăn nắp	><	bừa bộn
52	nông cạn	><	sâu sắc
53	phi thường	><	tầm thường
54	hùng vĩ	><	nhỏ bé
55	chuyên nghiệp	><	nghiệp dư
56	khờ dại	><	khôn ngoan
57	cá nhân	><	cộng đồng
58	cảnh giác	><	lơ là
59	hoà bình	><	chiến tranh
60	ánh sáng	><	bóng tối
61	mạnh mẽ	><	yếu ớt
62	quá khứ	><	hiện tại
63	yên lặng	><	ồn ào
64	hiền lành	><	độc ác
65	bẩn thỉu	><	sạch sẽ
66	khen thưởng	><	trừng phạt



Phần 4: Cặp từ có nghĩa trái ngược nhau

67	tranh giành	×	nhường nhịn
68	may mắn	×	xui xẻo
69	cao thượng	×	thấp hèn
70	tán thành	×	phản đối
71	đầu tiên	×	cuối cùng
72	vạm vỡ	×	gầy gò
73	bình minh	×	hoàng hôn
74	vô tình	×	hữu ý
75	hưng thịnh	×	suy vong
76	nặng nề	×	nhẹ nhõm
77	phân tích	×	tổng hợp
78	nông	×	sâu
79	bổng	×	trầm
80	náo nhiệt	×	yên ắng
81	rõ ràng	×	mơ hồ
82	tự tin	×	tự ti
83	thoải mái	×	khó chịu



Phần 4: Cặp từ có nghĩa trái ngược nhau

84	tròn trịa	><	méo mó
85	phân tán	><	tập trung
86	xù xì	><	nhẵn nhụi
87	ưu điểm	><	nhược điểm
88	xinh đẹp	><	xấu xí
89	thú vị	><	nhàm chán
90	lợi	><	hại
91	căng	><	chùng
92	giống nhau	><	khác nhau
93	oi bức	><	lạnh lẽo
94	công nhận	><	phủ nhận
95	trong veo	><	đục ngầu
96	đa số	><	thiểu số
97	đại	><	tiểu
98	phúc	><	họa
99	hợp	><	tan
100	nhập	><	xuất





Phần 5: Sắp xếp

Hãy sắp xếp các chữ cái để tạo thành từ hoàn chỉnh:

r / ọ / n / t / ô / t / g / n

1.....

c / i / h / n / ự / g / l

2.....

u / t / y / t / ế / m / â / q

3.....

b / ô / n / g / c / ả / n / g

4.....

h / ó / n / g / h / p / à / o

5.....

t / h / i / ế / u / h / o / ả

6.....

t / â / n / n / h / à / c / h / h

7.....

r / ư / n / g / l / ợ / ộ / n / g

8.....

h / i / n / ấ / n / n / k / ê

9.....

n / h / i / n / g / t / h / ô / m

10.....





Phần 5: Sắp xếp

Hãy sắp xếp các tiếng để tạo thành câu hoàn chỉnh:

em / môi / bảo / tay / Chúng / chung / vệ / trường.

1.....

sĩ / được / thành / Em / hoạ. / trở / ước

2.....

em / lễ / Đội. / dự / Chúng / tham / nạp / kết

3.....

lương / loại / thuật / đảo. / hình / độc / nghệ / là / Cải

4.....

em / gia / trào / cây. / phong / Lớp / tham / trồng

5.....

Đồng / Bằng. / ở / hùng / người / Kim / là / quê / Cao / anh

6.....

hỏi / sức / bà. / khoẻ / viết / Em / thư / thăm / ông

7.....

giáo. / tặng / thiệp / Chúng / cô / em / làm

8.....

kéo / đoạt / cuộc / em / giải / co. / thi / Nhất / Lớp

9.....

nguồn / loại. / tận / thức / Sách / tri / vô / nhân / của / là

10.....



Phần 6: Đồ vui - Vui đồ

1

Tỉnh nào miền Trung nước ta
Trường Sa quần đảo thiết tha tự hào
Tháp Bà ghi dấu thuở nào
Yến sào đặc sản mời chào ghé thăm?

Đáp án:



2

Tỉnh nào miền Nam nước ta
Nam Du - quần đảo hiền hoà trong xanh
Đảo ngọc - Phú Quốc trong lành
U Minh Thượng đầy vô vàn rừng cây?

Đáp án:

3

Tỉnh nào miền Bắc nước ta
Hồ Núi Cốc đó bao la ngút ngàn
Tân Cương mời gọi tham quan
Đồi chè xanh mượt không gian trong lành?

Đáp án:



4

Tỉnh nào là xứ mộng mơ
Êm đêm, yên ả đôi bờ sông Hương
Cầu Trường Tiền rất thân thương
Tiếng chuông Thiên Mụ vấn vương lòng người?

Đáp án:

Phần 6: Đố vui - Vui đố

5

Tỉnh nào miền Trung nước ta
Mỹ Sơn thánh địa thiết tha tự hào
Hội An phố cổ xôn xao
Bãi biển Cửa Đại sóng trào trong xanh?

Đáp án:



6

Để nguyên nở rộ trên cây
Nặng vào hoa sĩ hằng ngày say mê.

Đáp án: Đó là các từ:

7

Để nguyên trên cành tươi xanh
Thêm nặng lại hoá như thành không quen.

Đáp án: Đó là các từ:



8

Để nguyên nam, bắc, đông, tây
Bỏ dấu theo gió đưa bay khắp trời.

Đáp án: Đó là các từ:

Phần 6: Đố vui - Vui đố

9

Để nguyên ta uống hằng ngày
Bỏ đầu mong muốn ta hay nhớ về.

Đáp án: Đó là các từ:



10

Để nguyên thân thiết với ta
Huyền vào bỏ nặng đồ ta hay dùng.

Đáp án: Đó là các từ:

11

Để nguyên trái nghĩa với già
Thêm sắc thành thứ mà ta đội đầu.

Đáp án: Đó là các từ:



12

Để nguyên đặt bé ngủ im
Thêm hỏi trái nghĩa với "chìm" mới hay.

Đáp án: Đó là các từ:

Phần 6: Đố vui - Vui đố

13

Để nguyên loại bánh thơm ngon
Thêm ngã mưa lớn lại còn gió to.
Đáp án: Đó là các từ:



14

Để nguyên màu sắc tinh khôi
Bỏ sắc xuất hiện trên trời hằng đêm.
Đáp án: Đó là các từ:

15

Để nguyên sông suối bắc qua
Bỏ huyền ta viết lúc mà làm văn.
Đáp án: Đó là các từ:



16

Để nguyên thổi mát khắp nơi
Thêm huyền bỏ sắc xin mời, nếm ăn.
Đáp án: Đó là các từ:

Phần 6: Đố vui - Vui đố

17

Để nguyên dùng để vá may
Bỏ hỏi bộ phận nối tay với mình.
Đáp án: Đó là các từ:



18

Để nguyên tình cảm mến yêu
Có hỏi khen tặng, thêm nhiều niềm vui.
Đáp án: Đó là các từ:

19

Để nguyên có nghĩa là hai
Thêm nặng hành động ta mang trên đầu.
Đáp án: Đó là các từ:



20

Để nguyên lạnh buốt gió mưa
Thêm huyền là chốn cày bừa nhà nông?
Đáp án: Đó là các từ:



TRANG NGUYEN EDUCATION



Số 7, Ngõ 68, Trung Kính, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội



1900633330



www.trangnguyen.edu.vn

www.facebook.com/trangnguyen.education



info@trangnguyen.edu.vn